ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3802 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Kim Giao II, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo thẩm định số 659/BC-SNNMT ngày 01/11/2026 và Công ty TNHH một thành viên Sông Chu tại Tờ trình số 1574/TTr-SC ngày 13/10/2026 (kèm theo Phương án) về việc phê duyệt Phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Kim Giao II, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Kim Giao II, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Mục đích: Cắm mốc chỉ giới để xác định phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Kim Giao II, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa làm cơ sở quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

2. Phạm vi cắm mốc chỉ giới: Toàn bộ các hạng mục công trình đầu mối và vùng lòng hồ chứa nước Kim Giao II, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa.

3. Tổng số lượng mốc chỉ giới: 25 mốc, trong đó phạm vi bảo vệ công trình đầu mối (phần đập đất, tràn xả lũ) là 12 mốc *(đã được triển khai cắm mốc ngoài thực địa theo Quyết định số 1306QĐ-UBND ngày 14/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước Kim Giao II)* và phạm vi khu vực lòng hồ là 13 mốc *(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*.

4. Quy cách mốc chỉ giới: Thân mốc bằng bê tông cốt thép M200, đúc sẵn, kích thước mặt cắt ngang (15x15) cm, dài 90 cm (phần nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên dài 50 cm, phần cắm vào đế mốc dài 40 cm). Đế mốc bằng bê tông M200, đổ tại chỗ, kích thước mặt cắt ngang (40x40) cm, chiều sâu 50 cm; mặt trên đế mốc bằng mặt đất tự nhiên.

5. Khoảng cách giữa các mốc chỉ giới: Khoảng cách giữa hai mốc liền kề nhau từ 4 m đến 471 m.

6. Thời gian thực hiện: 30 ngày, kể từ ngày Phương án cắm mốc chỉ giới được phê duyệt.

7. Nguồn vốn thực hiện: Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế - ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Công ty TNHH một thành viên Sông Chu:

- Chủ trì, phối hợp với UBND xã Trường Lâm tổ chức công bố công khai Phương án cắm mốc chỉ giới; tổ chức cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Kim Giao II trên thực địa theo đúng Phương án được phê duyệt.

- Trực tiếp quản lý, bảo vệ mốc chỉ giới và lưu trữ hồ sơ cắm mốc; hàng năm tổ chức kiểm tra, bảo trì, khôi phục các mốc bị mất hoặc sai lệch so với hồ sơ cắm mốc chỉ giới được phê duyệt. Kinh phí bảo trì, khôi phục mốc được sử dụng từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

- Bàn giao mốc cho UBND xã Trường Lâm để phối hợp quản lý, bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp phạm vi bảo vệ công trình bị lấn chiếm, sử dụng trái phép hoặc có hoạt động được thực hiện khi chưa có giấy phép hoặc không đúng nội dung giấy phép được cấp, phải kịp thời phát hiện, báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi so với Phương án được phê duyệt, Công ty TNHH một thành viên Sông Chu phải có văn bản báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và chỉ được điều chỉnh, bổ sung sau khi có văn bản chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, đôn đốc Công ty TNHH một thành viên Sông Chu và các đơn vị liên quan, triển khai thực hiện Phương án; kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch UBND xã Trường Lâm; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Sông Chu và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Văn Cường

Phụ lục: Tổng hợp các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình hồ chứa nước Kim Giao II, xã Trường Lâm, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên mốc	Vị trí mốc *(đơn vị hành chính cấp xã, phường)*	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 00$, múi chiếu 3^0		Cao độ quản lý (m)	Cao độ VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y					
I	**MỐC CHỈ GIỚI BẢO VỆ ĐẬP** *(Đã được triển khai cắm mốc ngoài thực địa theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước Kim Giao II)*								
1.1	**Mốc bảo vệ đập đất**								
1	R1	Xã Trường Lâm	2142479,6130	569541,7750	+34.92	+35.22	35		*Mốc quản lý công trình đầu mối đập đất*
2	R2	Xã Trường Lâm	2142510,1660	569524,2250	+31.41	+31.71	24		*Mốc quản lý công trình đầu mối đập đất*
3	R3	Xã Trường Lâm	2142534,4810	569522,0170	+16.45	+16.75	107		*Mốc quản lý công trình đầu mối đập đất*
4	R4	Xã Trường Lâm	2142565,7960	569419,2450	+21.70	+22.00	14		*Mốc quản lý công trình đầu mối đập đất*
5	R5	Xã Trường Lâm	2142570,3560	569406,4470	+22.08	+22.38	127		*Mốc quản lý công trình đầu mối đập đất*
6	R6	Xã Trường Lâm	2142607,1630	569285,2140	+23.47	+23.77	120		*Mốc quản lý công trình đầu mối đập đất*

TT	Tên mốc	Vị trí mốc *(đơn vị hành chính cấp xã, phường)*	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 00$, múi chiếu 3^0		Cao độ quản lý (m)	Cao độ VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y					
1.2	**Mốc bảo vệ tràn xả lũ**								
1	R7	Xã Trường Lâm	2142706,6780	569352,0770	+19.79	+20.09	43		*Mốc quản lý công trình đầu mối tràn xả lũ*
2	R8	Xã Trường Lâm	2142726,3622	569313,6101	+21.36	+21.66	48		*Mốc quản lý công trình đầu mối tràn xả lũ*
3	D1	Xã Trường Lâm	2142571,8157	569202,6300	+35.32	+35.62	323		*Mốc quản lý công trình đầu mối tràn xả lũ*
4	D2	Xã Trường Lâm	2142571,9483	569198,6641	+37.51	+37.81	4		*Mốc quản lý công trình đầu mối tràn xả lũ*
5	D3	Xã Trường Lâm	2142612,1690	569216,1580	+40.00	+40.30	44		*Mốc quản lý công trình đầu mối tràn xả lũ*
6	D4	Xã Trường Lâm	2142689,3170	569282,8690	+23.97	+24.27	102		*Mốc quản lý công trình đầu mối tràn xả lũ*
II	**MỐC CHỈ GIỚI BẢO VỆ KHU VỰC LÒNG HỒ**								
1	CTTL.01	Xã Trường Lâm	2142444,4740	568974,9080	+34.00	+34.30	394	Đồi keo	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
2	CTTL.02	Xã Trường Lâm	2142360,4390	568626,9910	+34.00	+34.30	425	Đồi keo	*Mốc bảo vệ lòng hồ*

TT	Tên mốc	Vị trí mốc *(đơn vị hành chính cấp xã, phường)*	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 00$, múi chiếu 3^0		Cao độ quản lý (m)	Cao độ VN2000 (m)	Khoảng cách giữa hai mốc liền kề (m)	Đặc điểm địa hình	Ghi chú
			X	Y					
3	CTTL.03	Xã Trường Lâm	2142151,7540	568520,0620	+34.00	+34.30	386	Đồi keo	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
4	CTTL.04	Xã Trường Lâm	2141936,1220	568611,1050	+34.00	+34.30	431	Mép đồi luồng	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
5	CTTL.05	Xã Trường Lâm	2141950,0554	568932,0635	+34.00	+34.30	425	Đồi keo	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
6	CTTL.06	Xã Trường Lâm	2141560,7670	569037,0860	+34.00	+34.30	394	Đồi keo	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
7	CTTL.07	Xã Trường Lâm	2141385,1660	569316,3820	+34.00	+34.30	409	Mép đường	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
8	CTTL.08	Xã Trường Lâm	2141161,6460	569570,6270	+34.00	+34.30	396	Đồi bạch đàn	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
9	CTTL.09	Xã Trường Lâm	2141063,2820	569927,4590	+34.00	+34.30	471	Mép đường	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
10	CTTL.10	Xã Trường Lâm	2141373,5070	569847,3640	+34.00	+34.30	418	Vườn keo	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
11	CTTL.11	Xã Trường Lâm	2141717,8710	569646,9980	+34.00	+34.30	433	Mép đường	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
12	CTTL.12	Xã Trường Lâm	2141898,4440	569450,0500	+34.00	+34.30	466	Đồi keo	*Mốc bảo vệ lòng hồ*
13	CTTL.13	Xã Trường Lâm	2142175,5800	569557,4450	+34.00	+34.30	346	Đồi keo	*Mốc bảo vệ lòng hồ*